TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15 /9 /2017.

V/ v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Đình Tước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh.

2.Ông Nguyễn Ngọc Tâm.

-Thư ký phiên toà:Ông Nguyễn Thanh Tùng- thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Chử Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 /9/2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXX- ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1958 (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/1978 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận. Từ năm 2010, vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xung đột. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Ông Đ khai do bà H ghen tuông nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thế B, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983 và Nguyễn Quang H, sinh năm 1985. Nay các con đều đã trưởng thành lao động tự túc được nên không ai đề nghị giải quyết việc giao con.

Về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp: ông Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và giấy báo, yêu cầu bà H đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện L và trụ sở Ủy ban nhân dân xã S để giải quyết. Bà H đã nhận được nhưng không ký vào biên bản tống đạt và cố tình không đến làm việc. Ngày 4/7/2017 tại nơi ở của bà H, bà H khai bà có nhận được giấy báo nhưng bà không muốn ly hôn nên không đến làm việc, không ký vào bất kỳ giấy tờ nào. Bà xác nhận về quan hệ hôn nhân và con chung như ông Đ trình bày. Bà và ông Đ có mâu thuẫn, đã ly thân từ 2012 đến nay nhưng bà không đồng ý ly hôn; về tài sản, về nợ, về công sức bà xác nhận không có (Bà H không ký vào biên bản lấy lời khai).

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi khởi kiện, thụ lý vụ án đến xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Đ được ly hôn bà H; các quan hệ khác không đặt ra việc giải quyết. Ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Đ xin ly hôn bà H, bà H đang cư trú tại khu 4, xã S,

huyện L, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự , vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện - đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2012, ông Đ đã xin ly hôn, được tòa hòa giải đoàn tụ. Nhưng do mâu thuẫn trầm trọng, nên vợ chồng vẫn sống ly thân từ 2012 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ xin được ly hôn bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà H có nhận các văn bản tố tụng của tòa nhưng không ký vào biên bản cấp, tống đạt; không đến làm việc. Bà khai vợ chồng có mâu thuẫn, đã từng ra tòa và hiện nay ông Đ và bà đang sống ly thân. Do bà không muốn ly hôn nên bà không đến làm việc theo giấy báo của tòa, không ký vào bất cứ văn bản nào. Điều đó cho thấy bà H không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn gia đình và tình cảm vợ chồng. Theo Biên bản làm việc ngày 04/7/2017 đại diện Ủy ban nhân dân xã, đại diện Hội phụ nữa xã và đại diện tư pháp xã S có ý kiến: Ông Đ và bà H trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Ông Đ và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thế B, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983 và Nguyễn Quang H, sinh năm 1985. Hiện nay, cả ba con chung đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đặt ra giải quyết việc giao con.

[4]. Về tài sản chung, về nợ và về công sức: Ông Đ không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét.

[5].Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Đình Đ với bà Nguyễn Thị H.

2.Cho ông Nguyễn Đình Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

3.Về án phí: Ông Nguyễn Đình Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Độ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000710 ngày 13/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Tước